TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 12 năm 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bảng
2. Ông Hoàng Văn Tuân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 ; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th1 , sinh năm 1996, (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ : Thôn PhĐ , xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Thân Văn T1 , sinh năm 1992, (Vắng mặt).

Địa chỉ : Thôn NhL , xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Th1 trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Thân Văn T1 kết hôn với nhau từ ngày 28/12/2015. Trước khi kết hôn, anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, chị đã sống ly thân anh T1 và chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Kể từ thời gian đó, anh chị không có quan hệ gì về tình cảm, kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh T1 .

- Về con chung: Chị và anh T1 có một con chung là cháu Thân Mộc Tr1 , sinh ngày 28/8/2017, hiện nay cháu Tr1 đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh T1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án và không có quan điểm, ý kiến gì đối với nội dung vụ án.*

* Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 16/11/2022, đối với ông Nguyễn Văn T2, trưởng thôn NhL , xã SM , thành phố B cung cấp như sau: Anh T1 , chị Th1 là vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống cùng gia đình anh T1 tại địa phương. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể của mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ. Vợ chồng chị Th1 , anh T1 đã ly thân từ năm 2019, hiện chị Th1 cùng con về nhà bố mẹ đẻ của chị Th1 , không còn chung sống với anh T1 nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Th1 được ly hôn với anh Thân Văn T1 .

+ Về con chung: Giao cháu Thân Mộc Tr1 , sinh ngày 28/8/2017 cho chị Th1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Chị Th1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Thân Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn NhL , xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa chị Th1 và anh T1 là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Th1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th1 và anh T1 kết hôn ngày 28/12/2015 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Th1 xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án và không có quan điểm, ý kiến gì đối với nội dung vụ án. Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn Tuấn cũng xác định vợ chồng anh chị mâu thuẫn, hai vợ chồng chị Th1 , anh T1 đã ly thân từ năm 2019, hiện chị Th1 đã chuyển về sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của chị Th1 . Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hòa giải đoàn tụ gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th1 và xử cho chị Th1 được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Th1 , anh T1 có một con chung là cháu Thân Mộc Tr1 , sinh ngày 28/8/2017. Sau khi ly hôn, chị Th1 có nguyện vọng được nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét thấy: Hiện nay cháu Tr1 đang sinh sống cùng với mẹ, chị Th1 cũng đã cung cấp được các tài liệu thể hiện việc thu nhập hàng tháng của chị để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th1 giao cháu Tr1 cho chị Th1 là

người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định. Về vấn đề cấp dưỡng : Chị Th1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14,ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th1 được ly hôn anh Thân Văn T1 .

2. Về con chung: Giao cháu Thân Mộc Tr1 , sinh ngày 28/8/2017 cho chị Đỗ Thị Th1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 có quyền thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th1 phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xác định chị Th1 đã nộp đủ số tiền 300.000đồng theo Biên lai thu số 0001774 ngày 14 năm 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Bắc Giang;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã SM ; TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Dương Đình Hưng